TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 23-5-2018.
V/v tranh chấp ***"Ly hôn, nuôi con"***.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Lâm Sơn.

Ông Trương Phước Công.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang***: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 274/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972. (Có mặt)

Cư trú: Ấp H, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Ông Lê Văn Q, sinh năm 1968. (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú: Ấp B, xã K, huyện C, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Q đám cưới vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân do tự tìm hiểu. Vợ chồng sống hạnh phúc được 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính bất đồng quan điểm sống nên xảy cự cãi. Gia đình 02 bên không dàn xếp. Nay nhận thấy tình cảm không còn, Bà T yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Long H, sinh ngày 21/02/1992 và Nguyễn Hữu B, sinh ngày 16/7/1993. Hiện các con đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ông Lê Văn Q trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của Bà T về thời gian chung sống, lý do mâu thuẫn. Nay Bà T yêu cầu ly hôn, ông Q đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Long H, sinh ngày 21/02/1992 và Nguyễn Hữu B, sinh ngày 16/7/1993. Hiện các con đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông Lê Văn Q, ông Q cư trú ấp Long Bình, xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Văn Q có đơn xin vắng mặt tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà T và ông Q sống chung với nhau vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa Bà T và ông Q không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ vào Điều 14 Luật hôn gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận bà T và ông Q là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Long H, sinh ngày 21/02/1992 và Nguyễn Hữu B, sinh ngày 16/7/1993. Hiện các con đã thành niên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Bà T và ông Q thống nhất không có, nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Bà T và ông Q thống nhất không có, nên không đề cập giải quyết.

Ghi nhận bà T và ông Q xác định hai người không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của hai người trong thời kỳ hôn nhân thì bà T và ông Q vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14, 53, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn Q là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Long H, sinh ngày 21/02/1992 và Nguyễn Hữu B, sinh ngày 16/7/1993. Hiện các con đã thành niên, nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Không có, không đề cập giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có, không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0019512 ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới